

BÁO CÁO TÀI CHÍNH QUÝ

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01/10/2017 đến hết ngày 31/12/2017

Mã chứng khoán: **EVE**

Loại hình: **Báo cáo tài chính công ty mẹ**

Công ty Cổ phần Everpia

MỤC LỤC

Trang

Bảng cân đối kế toán

3-5

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

6-7

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ

8-9

Thuyết minh báo cáo tài chính

10-39

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Mã số TÀI SẢN	Thuyết minh	31/12/2017	01/01/2017
100 A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)		963,608,408,571	806,166,992,285
110 I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	126,055,923,872	78,546,140,339
111 1. Tiền		35,075,093,872	48,046,140,339
112 2. Các khoản tương đương tiền		90,980,830,000	30,500,000,000
120 II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		187,860,000,000	73,140,000,000
123 1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5	187,860,000,000	73,140,000,000
130 III. Các khoản phải thu ngắn hạn		246,677,811,953	247,889,820,510
131 1. Phải thu khách hàng	6	218,475,427,387	194,872,629,827
132 2. Trả trước cho người bán	6	9,241,051,435	6,071,660,749
135 3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	7	60,773,000,000	60,773,000,000
136 4. Các khoản phải thu khác		9,523,408,823	5,507,190,847
137 5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6,7	(51,335,075,692)	(19,334,660,913)
140 IV. Hàng tồn kho	8	395,706,480,488	403,265,408,821
141 1. Hàng tồn kho		406,465,155,252	407,498,534,820
149 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(10,758,674,764)	(4,233,125,999)
150 V. Tài sản ngắn hạn khác		7,308,192,258	3,325,622,615
151 1. Chi phí trả trước ngắn hạn	13	7,158,192,258	3,175,622,615
152 2. Thuế GTGT được khấu trừ		-	0
153 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước		150,000,000	150,000,000


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Đơn vị tính: VND

200	B.	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)		330,482,628,301	319,642,386,144
210	I.	Các khoản phải thu dài hạn		899,905,104	1,647,711,335
216		1. Phải thu dài hạn khác		2,187,232,409	2,923,038,131
219		2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(1,287,327,305)	(1,275,326,796)
220	II.	Tài sản cố định		274,771,355,590	284,499,556,656
221		1. Tài sản cố định hữu hình	9	266,371,606,845	273,544,002,316
222		- Nguyên giá		530,905,577,919	503,145,837,568
223		- Giá trị hao mòn lũy kế		(264,533,971,074)	(229,601,835,252)
224		2. Tài sản cố định thuê tài chính	10	71,919,283	83,274,958
225		- Nguyên giá		113,556,756	113,556,756
226		- Giá trị hao mòn lũy kế		(41,637,473)	(30,281,798)
227		3. Tài sản cố định vô hình	11	8,327,829,462	10,872,279,382
228		- Nguyên giá		39,451,177,876	39,451,177,876
229		- Giá trị hao mòn lũy kế		(31,123,348,414)	(28,578,898,494)
250	II.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	12	25,348,200,000	14,228,590,000
251		1. Đầu tư vào công ty con		22,710,000,000	10,444,000,000
252		2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		11,590,390,000	11,590,390,000
253		3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		2,638,200,000	2,638,200,000
254		4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(11,590,390,000)	(10,444,000,000)
260	III.	Tài sản dài hạn khác		29,463,167,607	19,266,528,153
261		1. Chi phí trả trước dài hạn	13	15,482,604,741	15,147,738,448
262		2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại		13,980,562,866	4,118,789,705
270		TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)		1,294,091,036,872	1,125,809,378,429


BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)
ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
		31/12/2017	01/01/2017
300 A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)		368,416,382,180	152,112,879,139
310 I. Nợ ngắn hạn		173,783,634,055	105,326,422,293
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	14 58,369,162,194	43,768,285,152
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	14 8,994,409,919	5,647,479,131
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	15 18,914,692,818	26,692,548,103
314	4. Phải trả người lao động	13,915,634,050	11,285,501,070
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	12,809,520,899	2,546,128,909
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	17 5,575,156,215	986,317,392
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	18 55,205,057,960	14,400,162,536
330 II. Nợ dài hạn		194,632,748,125	46,786,456,846
336	1. Phải trả dài hạn khác	14,593,920,027	3,849,537,782
337	2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	18 29,951,919,582	41,405,772,228
338	3. Trái phiếu	18 150,000,000,000	
343	4. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	19 86,908,516	1,531,146,836
400 B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)		925,674,654,692	973,696,499,290
410 I. Vốn chủ sở hữu			
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu [Vốn cổ phần]	19 925,674,654,692	973,696,499,290
411a	-Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	419,797,730,000	419,797,730,000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	203,072,724,247	203,072,724,247
415	3. Cổ phiếu quỹ	(49,000,000,000)	-
420	4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	13,373,212,886	12,055,386,440
421	5. [Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/Lũy kế]	338,430,987,559	338,770,658,603
421a	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	292,369,758,038	241,739,314,617
421b	-Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	46,061,229,521	97,031,343,986
440 TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)		1,294,091,036,872	1,125,809,378,429


Người lập biểu
Nguyễn Bảo Ngọc


Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính
Yu Sung Dae




Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

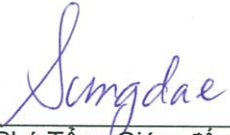
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Quý 4/2017	Năm 2017	Quý 4/2016	Năm 2016
01	1. Doanh thu bán hàng	20	347,780,522,509	995,334,175,638	251,541,622,577	866,361,768,117
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		926,792,871	1,145,618,987	4,705,895,786	5,054,666,284
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng (10=01-02)	20	346,853,729,638	994,188,556,651	246,835,726,791	861,307,101,833
11	4. Giá vốn hàng bán	21	236,215,203,593	668,930,322,598	161,943,852,246	569,082,025,170
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng (20=10-11)		110,638,526,045	325,258,234,053	84,891,874,545	292,225,076,663
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	20	1,066,963,280	13,233,051,263	1,093,781,576	14,439,195,812
22	7. Chi phí tài chính	23	4,339,221,201	23,905,089,953	(1,814,984,674)	5,880,198,974
23	Trong đó: Chi phí lãi vay		4,173,826,021	8,080,207,408	588,723,225	4,325,559,359
24	8. Chi phí bán hàng	22	45,450,511,153	122,962,817,157.00	28,346,445,871	82,114,536,494
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	22	33,378,922,536	133,067,447,072	37,401,645,641	101,177,926,220
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22-23-24-25))		28,536,834,435	58,555,931,134	22,052,549,283	117,491,610,787
31	11. Thu nhập khác	24	(303,259,392)	549,676,287	3,047,672,189	4,323,488,385
32	12. Chi phí khác	24	15,720,070	570,674,657	(2,577,232,249)	361,533,427
40	13. Lợi nhuận khác (40=31-32)		(318,979,462)	(20,998,370)	5,624,904,438	3,961,954,958
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)		28,217,854,973	58,534,932,764	27,677,453,721	121,453,565,745
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	26	10,119,406,421	22,335,476,404	9,198,035,924	28,541,011,464
52	16. Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	26	4,645,615,952	9,861,773,161	4,118,789,705	4,118,789,705
60	16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)		22,744,064,504	46,061,229,521	22,598,207,502	97,031,343,986

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho giai đoạn tài chính năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Người lập biểu
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017

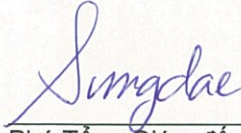
Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm 2017	Năm 2016
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		58,534,932,764	121,453,565,745
	2. Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao tài sản cố định		37,487,941,417	32,961,044,534
03	Các khoản dự phòng		50,128,354,052	14,830,462,254
04	(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		19,567,957	(847,133,236)
05	(Lãi) từ hoạt động đầu tư		(9,236,485,702)	(10,581,179,294)
06	Chi phí lãi vay		8,080,207,408	4,325,559,359
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn		145,014,517,896	162,142,319,362
09	Thay đổi các khoản phải thu		(26,940,869,157)	(15,365,657,745)
10	Thay đổi hàng tồn kho		1,033,379,568	(33,625,719,936)
11	Thay đổi các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)		40,458,663,924	7,142,742,107
12	Thay đổi chi phí trả trước		(4,317,435,935)	75,902,466
13	Tiền lãi vay đã trả		(4,098,137,544)	(4,431,737,091)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp		(29,882,615,113)	(37,481,419,321)
15	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(4,607,153,187)	(4,615,836,596)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		116,660,350,452	73,840,593,246
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
21	Tiền chi mua sắm TSCĐ, xây dựng cơ bản dở dang		(27,100,571,401)	(44,653,593,156)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		-	501,016,182
23	Tiền chi cho các khoản đầu tư ngắn hạn		(187,860,000,000)	(255,813,000,000)
24	Tiền thu hồi từ đầu tư ngắn hạn		73,140,000,000	330,965,000,000
25	Tiền chi góp vốn cho các đơn vị khác		(22,710,000,000)	-
26	Tiền thu hồi từ đơn vị khác		22,695	-
27	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		6,766,963,730	9,692,731,378
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(157,763,584,976)	40,692,154,404
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
32	Tiền thu lại cổ phiếu đã phát hành		-	22,564,158,603
32	Tiền chi do mua lại cổ phiếu đã phát hành		(49,000,000,000)	-
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	17	272,466,811,069	124,183,345,835
34	Tiền chi trả nợ gốc vay	17	(93,081,689,721)	(171,500,370,076)
35	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	17	(34,078,570)	(25,057,953)
36	Cổ tức đã trả cho cổ đông	19	(41,920,159,250)	(55,897,044,106)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		88,430,883,528	(80,674,967,697)
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		47,327,649,004	33,857,779,953
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	4	78,546,140,339	44,404,107,275
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		182,134,529	284,253,111
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	126,055,923,872	78,546,140,339

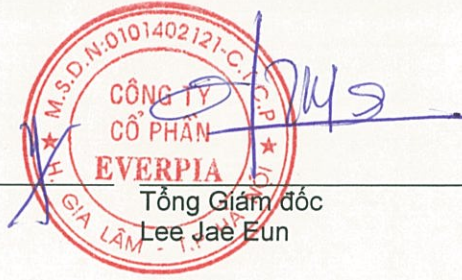
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tiếp theo)
cho giai đoạn tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2017



Người lập biểu
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính
Yu Sung Dae



M.S.D.N: 0101402121-C
CÔNG TY
CỔ PHẦN
EVERPIA
GIA LÂM

Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính năm kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Công ty Cổ phần Everpia (gọi tắt là "Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp Việt Nam trên cơ sở chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp 100% vốn đầu tư nước ngoài, Công ty TNHH Everpia Việt Nam, theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 0111033000055 do Sở kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 17 được cấp ngày 5 tháng 10 năm 2016.

Cổ phiếu của Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 17 tháng 12 năm 2010 theo Quyết định số 247/2010/QĐ-SGDHCM do Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 30 tháng 11 năm 2010.

Các hoạt động chính của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư là sản xuất, thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu vải không dệt, vải lọc, nỉ, chăn, ga trải giường, nệm, gối, túi ngủ, vali, ba lô, túi xách, đồ lót và các mặt hàng may mặc khác; thực hiện quyền nhập khẩu, quyền phân phối (bán buôn, bán lẻ) và xuất khẩu hàng hóa đồ dùng nội thất bằng gỗ và các chất liệu khác, bộ đồ nhà bếp vệ sinh và đồ văn phòng.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Công ty có trụ sở chính tại xã Dương Xá, huyện Gia Lâm, Hà Nội và năm chi nhánh tại Hưng Yên, Hòa Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Đà Nẵng.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 1.299 người (ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 1.317 người).

Cơ cấu tổ chức

Thông tin chi tiết về các công ty con và tỷ lệ biểu quyết, tỷ lệ lợi ích của Công ty trong các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 như sau:

Công ty TNHH Everpia Cambodia

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 554/BKHĐT - ĐTRNN do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 26 tháng 9 năm 2012. Công ty TNHH Everpia Cambodia có trụ sở chính tại số 360, đại lộ Monivong, thành phố Phnom Penh, Vương quốc Campuchia. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Cambodia là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật của Campuchia.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

Công ty TNHH Everpia Intermaru

Công ty con này là một công ty Trách nhiệm Hữu hạn được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600083 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 12 tháng 1 năm 2016. Công ty TNHH Everpia Intermaru có trụ sở tại số 30-34 Ludwig-Erhard-Strasse, 65760 Eschborn, Đức. Hoạt động chính của Công ty TNHH Everpia Intermaru là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định pháp luật Đức.

Tại ngày 16 tháng 03 năm 2017, Công ty đã quyết định không chuyển tiền đầu tư cho công ty con này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

1. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Công ty Cổ phần Everpia Korea

Công ty con này là một công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 201600179 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư Việt Nam cấp ngày 1 tháng 8 năm 2016. Công ty Cổ phần Everpia Korea có trụ sở tại số 18 104 Gil Samsung-ro, Kangnam Gu, thành phố Seoul, Hàn Quốc. Hoạt động chính của Công ty cổ phần Everpia Korea là kinh doanh chăn ga trải giường, gối, nệm; tư vấn và chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh và thực hiện quyền nhập khẩu, xuất khẩu theo quy định của pháp luật Hàn Quốc.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 100% tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết trong công ty con này. Tại ngày lập báo cáo này, Công ty đã góp vốn 1.000.000 đô la Mỹ, tương đương với 67% vốn điều lệ vào công ty con này.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 Mục đích lập báo cáo tài chính riêng

Công ty Cổ phần Everpia là công ty mẹ có các công ty con như được trình bày tại Thuyết minh. Công ty đã lập báo cáo tài chính riêng này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin quy định tại Thông tư 155/2015/TT-BTC - Hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Cũng theo quy định tại Thông tư này, Công ty cũng cần lập báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 của Công ty và các công ty con cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc 30 tháng 9 năm 2017. Công ty đã hoàn thành và phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này vào ngày 29 tháng 10 năm 2017.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng cần đọc báo cáo tài chính riêng này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con vào ngày 30 tháng 9 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày để có được đầy đủ thông tin về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con.

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính riêng của Công ty được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 – Báo cáo tài chính và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành theo:

- ▶ Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- ▶ Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- ▶ Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- ▶ Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- ▶ Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY (tiếp theo)

2.2 Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng (tiếp theo)

Theo đó, báo cáo tài chính riêng được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.3 Hình thức sổ kế toán áp dụng

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Công ty là Hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.4 Kỳ kế toán quý

Kỳ kế toán quý 4 của Công ty áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính riêng bắt đầu từ ngày 1 tháng 10 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.5 Đơn vị tiền tệ trong kế toán

Báo cáo tài chính riêng được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Công ty là đồng Việt Nam ("VND").

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng được áp dụng nhất quán với với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3.2 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa - chi phí mua theo phương pháp bình quân gia quyền
- Thành phẩm và chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang - giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.2 Hàng tồn kho (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hoá tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Công ty dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc kỳ kế toán .

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính riêng theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Công ty dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

3.4 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

3.5 Thuê tài sản

Việc xác định một thỏa thuận có phải là thỏa thuận thuê tài sản hay không dựa trên bản chất của thỏa thuận đó tại thời điểm khởi đầu: liệu việc thực hiện thỏa thuận này có phụ thuộc vào việc sử dụng một tài sản nhất định và thỏa thuận có bao gồm điều khoản về quyền sử dụng tài sản hay không.

Thỏa thuận thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu theo hợp đồng thuê tài sản bên cho thuê chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản cho bên đi thuê. Tất cả các thỏa thuận thuê tài sản khác được phân loại là thuê hoạt động.

Tài sản theo hợp đồng thuê tài chính được vốn hóa trên bảng cân đối kế toán riêng tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản theo giá trị thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Khoản tiền gốc trong các khoản thanh toán tiền thuê trong tương lai theo hợp đồng thuê tài chính được hạch toán như khoản nợ phải trả. Khoản tiền lãi trong các khoản thanh toán tiền thuê được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong suốt thời gian thuê tài sản theo lãi suất cố định trên số dư còn lại của khoản nợ thuê tài chính phải trả.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.5 Thuê tài sản (tiếp theo)

Tài sản thuê tài chính đã được vốn hóa được trích khấu hao theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian hữu dụng ước tính và thời hạn thuê tài sản, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ được chuyển giao quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê.

Các khoản tiền thuê theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời hạn của hợp đồng thuê.

3.6 Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến. Các chi phí nâng cấp và đổi mới tài sản cố định vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

Thương hiệu, kênh phân phối

Giá trị thương hiệu và kênh phân phối được ghi nhận là tài sản cố định vô hình theo giá mua trên các hợp đồng chuyển nhượng thương hiệu và kênh phân phối.

3.7 Khấu hao và hao mòn

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà xưởng và vật kiến trúc	25 - 46 năm
Máy móc thiết bị	6 - 15 năm
Thiết bị văn phòng	6 - 8 năm
Phương tiện vận tải	9 - 10 năm
Các tài sản cố định hữu hình khác	4 - 10 năm
Nhãn hiệu hàng hóa	20 năm
Kênh phân phối	15 năm
Phần mềm máy tính	4 năm
Các tài sản cố định khác	4 năm

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của doanh nghiệp. Chi phí đi vay được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.9 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán riêng và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.10 Các khoản đầu tư

Đầu tư vào công ty con

Khoản đầu tư vào công ty con mà trong đó Công ty nắm quyền kiểm soát được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng .

Các khoản phân phối lợi nhuận mà công ty mẹ nhận được từ số lợi nhuận lũy kế của các công ty con sau ngày Công ty nắm quyền kiểm soát được ghi vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi của các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp giá gốc trên báo cáo tài chính riêng .

Các khoản phân phối lợi nhuận từ lợi nhuận thuần lũy kế của các công ty liên kết sau ngày Công ty có ảnh hưởng đáng kể được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng của Công ty. Các khoản phân phối khác được xem như phần thu hồi các khoản đầu tư và được trừ vào giá trị đầu tư.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009 và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng .

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 Các khoản phải trả và chi phí trích trước

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được trích lập để tạo nguồn đầu tư cho hoạt động khoa học và công nghệ của Công ty theo hướng dẫn tại Thông tư số 15/2011/TT-BTC ngày 9 tháng 2 năm 2011 của Bộ Tài chính. Số tiền trích quỹ hàng năm được Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt dựa trên kế hoạch chi tiêu cho hoạt động phát triển khoa học và công nghệ hàng năm và không vượt quá 10% thu nhập chịu thuế trước khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp. Số tiền trích quỹ được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

Số tiền trích quỹ phát triển khoa học và công nghệ được chấp nhận là chi phí được khấu trừ cho mục đích xác định thuế thu nhập doanh nghiệp. Trong thời hạn 5 năm, kể từ năm kế tiếp năm trích lập, nếu Quỹ phát triển khoa học và công nghệ không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích, Công ty sẽ phải nộp Ngân sách Nhà nước phần thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên khoản thu nhập đã trích lập Quỹ mà không được sử dụng hoặc sử dụng không hết 70% hoặc sử dụng không đúng mục đích và phần lãi phát sinh từ số thuế thu nhập doanh nghiệp đó.

3.13 Trợ cấp thôi việc phải trả

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ bằng một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Bộ luật Lao động, Luật bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh riêng.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty (VND) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau.

- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán;
- ▶ Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch;
- ▶ Giao dịch góp vốn hoặc nhận vốn góp được hạch toán theo tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi doanh nghiệp mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư; và
- ▶ Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.14 Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng theo nguyên tắc sau.

- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch; và
- ▶ Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng

3.15 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ này được trích lập để sử dụng cho các mục đích khác phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

3.16 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với thời điểm chuyển giao hàng hóa.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính riêng.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ:

- ▶ Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Các chênh lệch tạm thời chịu thuế gắn liền với các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh khi Công ty có khả năng kiểm soát thời gian hoàn nhập khoản chênh lệch tạm thời và chắc chắn khoản chênh lệch tạm thời sẽ không được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ:

- ▶ Tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- ▶ Đối với các chênh lệch tạm thời được khấu trừ phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết và các khoản vốn góp liên doanh tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận khi chắc chắn là chênh lệch tạm thời sẽ được hoàn nhập trong tương lai có thể dự đoán được và có lợi nhuận chịu thuế để sử dụng được khoản chênh lệch tạm thời đó.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Thuế (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập công ty được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:

- ▶ đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
- ▶ Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

3.18 Thông tin theo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Tiền mặt	125,729,566	544,074,599
Tiền gửi ngân hàng	34,949,364,306	47,502,065,740
Các khoản tương đương tiền (*)	90,980,830,000	30,500,000,000
	<u>126,055,923,872</u>	<u>78,546,140,339</u>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng hưởng lãi suất từ 4,6%/năm đến 5,1%/năm (2016: lãi suất từ 4,3%/năm đến 5%/năm)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

5. ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Giá trị thực hiện	Giá trị	Giá trị thực hiện
Đầu tư năm giữ đến ngày đáo hạn	187,860,000,000	187,860,000,000	73,140,000,000	73,140,000,000
	187,860,000,000	187,860,000,000	73,140,000,000	73,140,000,000

Đây là các khoản tiền gửi trên 3 tháng và dưới 1 năm hưởng lãi suất từ 5%/ năm đến 5.4%/ năm

6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG VÀ TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

6.1 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Phải thu ngắn hạn từ khách hàng Công Ty TNHH Đầu Tư Thương Mai Phú Trường Giang	217,747,714,210	178,976,808,744
Tổng Công Ty Đông Bắc Công ty CP Welcron , ltd	2,716,000,000	8,660,898,816
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ INDOCHINA RSCO , ltd	3,873,319,811	7,921,768,085
AT Phố Huế		5,186,214,570
GLOBAL GARMENT SOURCING CO..LTD	6,563,563,820	4,904,525,592
Pan- Pacific co, ltd	601,012,678	4,896,229,069
- Các khoản phải thu khách hàng khác	203,993,817,901	1,194,696,438
Phải thu ngắn hạn từ các bên liên quan	727,713,177	146,212,476,174
	218,475,427,387	15,895,821,083
Dự phòng phải thu khó đòi	(21,407,675,764)	(19,334,660,913)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính mười hai tháng kết thúc cùng ngày

6.2 Trả trước cho người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Shenzeng	1,830,925,551	
Công ty May Thời Trang Ngân Hà	790,086,000	
Trả trước cho nhà cung cấp	<u>6,620,039,884</u>	<u>6,071,660,749</u>
	<u>9,241,051,435</u>	<u>6,071,660,749</u>

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
Phải thu về cho vay ngắn hạn	60,773,000,000	60,773,000,000
	<u>60,773,000,000</u>	<u>60,773,000,000</u>

Dự phòng phải thu về cho vay (29,927,399,928)

8. HÀNG TỒN KHO

Đơn vị tính: VND

	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	12,954,149,320	13,809,435,426
Nguyên liệu, vật liệu	235,024,197,350	207,214,057,934
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	-	22,295,952
Thành phẩm	149,644,793,176	177,464,690,002
Hàng hoá	8,842,015,406	8,988,055,506
Hàng gửi đi bán		-
	<u>406,465,155,252</u>	<u>407,498,534,820</u>

Dự phòng giảm giá hàng hóa
tồn kho nguyên vật liệu (6,431,220,747) (688,261,204)

Dự phòng giảm giá hàng hóa
tồn kho thành phẩm (4,327,454,017) (3,544,864,795)

(10,758,674,764) **(4,233,125,999)**

Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

9. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

NGUỒN GIÁ	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	181,222,385,425	256,851,828,321	19,645,957,115	26,362,652,206	19,063,014,501	503,145,837,568
Tăng trong kỳ	16,883,021,132	7,432,734,535	674,518,273	2,409,901,727	359,564,684	27,759,740,351
Tại ngày 31/12/2017	198,105,406,557	264,284,562,856	20,320,475,388	28,772,553,933	19,422,579,185	530,905,577,919
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ						
Tại ngày 01/01/2017	44,985,660,990	149,631,773,334	10,818,330,948	13,278,452,929	10,887,617,051	229,601,835,252
Trích vào chi phí trong kỳ	12,830,048,708	15,563,281,709	1,176,412,082	3,566,292,696	1,796,100,627	34,932,135,822
Tại ngày 31/12/2017	57,815,709,698	165,195,055,043	11,994,743,030	16,844,745,625	12,683,717,678	264,533,971,074
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 31/12/2017	140,289,696,859	99,089,507,813	8,325,732,358	11,927,808,308	6,738,861,507	266,371,606,845
Tại ngày 01/01/2017	136,236,724,435	107,220,054,987	8,827,626,167	13,084,199,277	8,175,397,450	273,544,002,316

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

10. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	<i>Máy photocopy</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá		
Tại ngày 01/01/2017	113,556,756	113,556,756
- Mua trong năm		-
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Tại ngày 31/12/2017	113,556,756	113,556,756
Giá trị hao mòn		
Tại ngày 01/01/2017	30,281,798	30,281,798
- Khấu hao trong năm	11,355,675	11,355,675
- Thanh lý, nhượng bán		-
- Giảm khác		-
Tại ngày 31/12/2017	41,637,473	41,637,473
		-
Giá trị còn lại		
Tại ngày 01/01/2017	83,274,958	83,274,958
Tại ngày 31/12/2017	71,919,283	71,919,283

Đây là máy photocopy được thuê theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

11. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VỐ HÌNH

Đơn vị tính: VND

NGUYÊN GIÁ	Thương hiệu VND	Kênh phân phối VND	Phần mềm máy tính VND	Tài sản khác VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
Tăng trong năm	-	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2017	23,494,500,000	7,831,500,000	7,438,284,189	686,893,687	39,451,177,876
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2017	16,137,011,848	7,315,137,120	4,439,855,839	686,893,687	28,578,898,494
Trích vào chi phí trong năm	1,226,248,025	516,362,635	801,839,260	-	2,544,449,920
Tại ngày 31/12/2017	17,363,259,873	7,831,499,755	5,241,695,099	686,893,687	31,123,348,414
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2017	6,131,240,127	245	2,196,589,090	-	8,327,829,462
Tại ngày 01/01/2017	7,357,488,152	516,362,880	2,998,428,350	-	10,872,279,382

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017			1/1/2017		
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị còn lại	Giá trị	Dự phòng	Giá trị còn lại
Đầu tư vào công ty con	22,710,000,000		22,710,000,000	10,444,000,000	(10,444,000,000)	-
Đầu tư vào công ty liên kết	11,590,390,000	(11,590,390,000)	-	11,590,390,000		11,590,390,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	2,638,200,000		2,638,200,000	2,638,200,000		2,638,200,000
	36,938,590,000	(11,590,390,000)	25,348,200,000	24,672,590,000	(10,444,000,000)	14,228,590,000

12.1 Đầu tư vào công ty con

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Everpia Korea (*)	100%	100%	100%	100%
Công ty TNHH Everpia Cambodia (**)	-	-	100%	100%
Công ty TNHH Everpia Intermaru	-	-	100%	100%

Chi tiết thông tin về các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 được trình bày tại Thuyết minh số 1.

(*) Theo Giấy phép Đầu tư vào Công ty Cổ phần Everpia Korea với số tiền là 22.710.000.000 VND (1.000.000 USD) hoặc tương đương 67% tổng vốn điều lệ.

(**) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2017, Công ty đã bán 100% vốn chủ sở hữu tại công ty con này.

12.2 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 31 tháng 12 năm 2017		Ngày 31 tháng 12 năm 2016	
	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Tỷ lệ vốn nắm giữ	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Texpia	44%	44%	44%	44%
	44%	44%	44%	44%

Công ty Cổ phần Texpia là một công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đầu tư số 472033001056 do Ban Quản lý các Khu Công nghiệp Đồng Nai cấp ngày 16 tháng 10 năm 2013 và các Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh sau đó, với lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đầu tư điều chỉnh lần thứ 5 số 472033001056 được cấp ngày 30 tháng 6 năm 2015. Công ty Cổ phần Texpia có trụ sở tại Khu Công nghiệp Dệt may Nhơn Trạch, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai. Hoạt động chính của Công ty Cổ phần Texpia là sản xuất và gia công các loại khăn và sản xuất, gia công các loại vải dùng may khăn. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty nắm 44% cổ phần trong công ty liên kết này. Từ ngày 01/01/2018, Công ty đã có quyết định mua lại giá trị tài sản và công nợ của Công ty liên kết này

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

12.3 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác phản ánh giá gốc của khoản đầu tư vào cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm Bắc Ninh với số lượng cổ phiếu là 172.000 cổ phiếu, và với giá trị là 2.638.200.000 đồng.

13. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
<i>Đơn vị tính: VND</i>		
Ngắn hạn		
Chi phí sửa chữa	-	150,000,000
Công cụ dụng cụ	145,986,375	645,283,827
Bảo hiểm cháy nổ	449,309,413	447,941,340
Quảng cáo	6,418,980,602	914,994,045
Chi phí khác	143,915,869	1,017,403,403
	7,158,192,258	3,175,622,615
Dài hạn		
Tiền thuê Showroom Keangnam (*)	7,076,234,375	7,380,175,025
Quyền sử dụng đất tại Hòa bình		5,429,545,455
Chi phí thi công Showroom	3,504,888,896	
Chi phí dài hạn khác	4,901,481,470	2,338,017,968
	15,482,604,741	15,147,738,448

(*) Đây là khoản trả trước tiền thuê mặt bằng tại Tòa nhà Keangnam, Phạm Hùng, Hà Nội trong vòng 45 năm kể từ năm 2012. Tiền thuê trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng 32 năm kể từ năm 2012 tương ứng với thời gian hoạt động còn lại của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đầu tư.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN VÀ NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

14.1 Phải trả người bán ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Phải trả người bán	58,369,162,194	58,369,162,194	43,768,285,152	43,768,285,152
	58,369,162,194	58,369,162,194	43,768,285,152	43,768,285,152
Phải trả cho bên liên quan	14,186,208,468	14,186,208,468	221,100,000	221,100,000
Phải trả cho người bán	44,182,953,726	44,182,953,726	43,547,185,152	43,547,185,152

14.2 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017	01/01/2017
Công Ty Cổ Phần Bất Động Sản Syrena Phú Quốc	3,430,856,814	
CÔNG TY TNHH HÒA BÌNH	1,350,515,149	
Khách hàng trả tiền trước	4,213,037,956	5,647,479,131
	8,994,409,919	5,647,479,131

15. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Đơn vị tính: VND

	31/12/2017	01/01/2017
	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	3,163,977,422	2,929,914,166
Thuế xuất, nhập khẩu	-	573,239,843
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14,889,560,075	22,436,698,823
Thuế thu nhập cá nhân	861,155,321	701,860,582
Các loại thuế khác	-	50,834,689
	18,914,692,818	26,692,548,103

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

16. PHẢI TRẢ KHÁC

Đơn vị tính: VND

Ngắn hạn	<u>31/12/2017</u>	<u>01/01/2017</u>
	VND	VND
Phát hành Coupon	1,228,693,181	588,840,909
Kinh phí công đoàn	33,978,810	4,908,000
Bảo hiểm xã hội	132,306,545	84,545,734
Phải trả- phải nộp khác	4,180,177,679	308,022,749
	<u>5,575,156,215</u>	<u>986,317,392</u>
Dài hạn		
Trợ cấp thôi việc	11,714,105,713	3,522,669,782
Phải trả dài hạn khác	2,879,814,314	326,868,000
	<u>14,593,920,027</u>	<u>3,849,537,782</u>

Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY, NỢ THUẾ TÀI CHÍNH VÀ TRÁI PHIẾU

Đơn vị tính: VND

Vay và nợ thuế tài chính ngắn hạn	31/12/2017		Tăng/ Giảm		01/01/2017	
	VND	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng	38,681,935,275	38,681,935,275	116,564,313,160	77,882,377,885	-	-
Nợ thuế tài chính đến hạn trả	25,728,214	25,728,214	25,728,214	25,057,953	25,057,953	25,057,953
Vay dài hạn đến hạn trả	16,497,394,471	16,497,394,471	16,497,394,471	14,375,104,583	14,375,104,583	14,375,104,583
	55,205,057,960	55,205,057,960	133,087,435,845	92,282,540,421	14,400,162,536	14,400,162,536
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn	31/12/2017		Tăng/ Giảm		01/01/2017	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Vay dài hạn	29,951,919,582	29,951,919,582	5,902,497,909	17,321,601,724	41,371,023,397	41,371,023,397
Nợ thuế tài chính	-	-	25,057,953	59,806,784	34,748,831	34,748,831
	29,951,919,582	29,951,919,582	5,927,555,862	17,381,408,508	41,405,772,228	41,405,772,228

Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.1 Các khoản vay ngân hàng

Chi tiết các khoản vay từ ngân hàng được trình bày như sau:

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017		Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
	VND	Nguyên tệ USD			
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	29,355,282,722	1,286,909	4-5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 3.8- 4.7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	13,821,304,059		5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 11 tháng 6 năm 2020	Từ 6.83% đến 7%	Máy móc thiết bị được tài trợ, tài sản cố định trên đất tại khu Công nghiệp Biên Hòa 1, phường An Bình thành phố Biên Hòa
Ngân hàng TNHH Một thành viên Shinhan Việt Nam	3,272,727,272		5 năm kể từ ngày nhận nợ. Hạn trả gốc cuối cùng là 30 tháng 11 năm 2021	Lãi suất 6 tháng+1.3%/năm	Xe ô tô mua bằng khoản nợ này
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	25,080,714,544		Vay ngắn hạn 6 tháng	2.5%	Không cần tài sản đảm bảo
ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	13,601,220,731		Vay ngắn hạn 6 tháng	5.5%	Không cần tài sản đảm bảo
Trong đó	85,131,249,328				
Vay ngắn hạn	38,681,935,275				
Vay dài hạn đến hạn trả	16,497,394,471				
Vay dài hạn	29,951,919,582				

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

17. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH (tiếp theo)

17.2 Nợ thuê tài chính

Công ty hiện đang thuê máy photocopy theo theo hợp đồng số B140301607 ngày 24 tháng 3 năm 2014 giữa Công ty và Công ty TNHH Cho thuê Tài chính Quốc tế Chailease có thời hạn 48 tháng, lãi suất 1,83%/tháng.

17.3. TRÁI PHIẾU

Ngân hàng	Số dư gốc tại ngày 31 tháng 12 năm 2017	Kỳ hạn trả gốc	Lãi suất/năm	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng CP Ngoại thương Việt Nam	150,000,000,000	Vay theo hình thức trái phiếu	7.50%	Tài sản cố định và các khoản phải thu
	150,000,000,000			

18. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ

	31/12/2017	01/01/2017
Số đầu năm	1,531,146,836	2,683,121,285
Tăng trong năm		
Giảm trong năm (Sử dụng)	(1,444,238,320)	(1,151,974,449)
	86,908,516	1,531,146,836

Công ty Cổ phần Everpia

B09a-DN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 30 tháng 09 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU

19.1 *Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu*

Đơn vị tính: VND

	Vốn điều lệ	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	279,865,180,000	191,000,000,000	(10,491,434,356)	9,949,623,119	443,246,062,044	913,569,430,807
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	97,031,343,986	97,031,343,986
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	5,677,153,321	(5,677,153,321)	-
Cổ tức đã chia	139,932,550,000	-	-	-	(195,829,594,106)	(55,897,044,106)
Mua cổ phiếu quỹ	-	12,072,724,247	10,491,434,356	-	-	22,564,158,603
Giảm khác	-	-	-	(3,571,390,000)	-	(3,571,390,000)
Số dư tại ngày 01/01/2017	419,797,730,000	203,072,724,247	-	12,055,386,440	338,770,658,603	973,696,499,290
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	46,061,229,521	46,061,229,520
Trích lập quỹ từ lợi nhuận chưa phân phối	-	-	-	4,480,741,313	(4,480,741,313)	(0)
Tăng khác (i)	-	-	(49,000,000,000)	-	-	(49,000,000,000)
Cổ tức đã chia	-	-	-	-	(41,920,159,250)	(41,920,159,250)
Giảm khác	-	-	-	(3,162,914,867)	-	(3,162,914,867)
Số dư tại ngày 31/12/2017	419,797,730,000	203,072,724,247	(49,000,000,000)	13,373,212,886	338,430,987,559	925,674,654,692

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

19. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

19.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Ngày 31/12/2017		Ngày 31/12/2016	
	Tổng		Tổng	
Cổ phiếu phổ thông	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000	419,797,730,000
Thặng dư vốn cổ phần	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247	203,072,724,247
Cổ phiếu quỹ	(49,000,000,000)	(49,000,000,000)		
	573,870,454,247	573,870,454,247	622,870,454,247	622,870,454,247

19.3 Cổ phiếu

	31/12/2017	01/01/2017
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	41,979,773	41,979,773
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	41,979,773	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu quỹ	(2,431,800)	-
Cổ phiếu phổ thông	(2,431,800)	-
Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Cổ phiếu đang lưu hành	39,547,973	41,979,773
Cổ phiếu phổ thông	39,547,973	41,979,773
Cổ phiếu ưu đãi	-	-

19.4 Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ của công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2017 là 2.431.800 cổ phiếu, tương đương là 49.000.000.000 VND. Nguồn mua cổ phiếu này là từ Thặng dư vốn cổ phần của công ty trên báo cáo tài chính công ty mẹ năm 2016 đã được kiểm toán.

19.5 Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông ngày 21 tháng 4 năm 2017 với giá trị bằng 5% lợi nhuận sau thuế được ghi trong Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2016. Cũng theo Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông này, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc được ủy quyền quyết định sử dụng quỹ quản lý căn cứ vào nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm đảm bảo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty đạt hiệu quả cao nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

20. DOANH THU

20.1 Doanh thu bán hàng

Đơn vị tính: VND

	VND	VND
Doanh thu thành phẩm chẵn ga, đệm	710,099,592,453	525,492,253,804
Doanh thu thành phẩm bông	285,234,583,185	340,869,514,313
	995,334,175,638	866,361,768,117
Các khoản giảm trừ doanh thu	1,145,618,987	5,054,666,284
<i>Hàng bán bị trả lại</i>	<i>1,145,618,987</i>	<i>5,054,666,284</i>
Doanh thu thuần về bán hàng	994,188,556,651	861,307,101,833

20.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền gửi	9,012,863,007	10,434,695,048
Lãi chênh lệch tỷ giá	3,996,565,561	3,780,900,764
Cổ tức, lợi nhuận được chia	223,600,000	223,600,000
Doanh thu tài chính khác	22,695	
	13,233,051,263	14,439,195,812

21. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Giá vốn thành phẩm chẵn ga, đệm	489,051,301,846	383,039,786,140
Giá vốn thành phẩm bông	179,879,020,752	186,042,239,030
	668,930,322,598	569,082,025,170

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
 vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

22. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Đơn vị tính: VND

Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân công	38,313,524,041	29,577,137,363
- Chi phí nguyên vật liệu	4,803,989,311	2,504,655,564
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	2,830,537,242	2,632,355,455
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	31,603,474,987	38,706,700,580
- Chi phí khác	45,411,291,576	8,693,687,530
	122,962,817,157	82,114,536,492

Các khoản chi phí quản lý phát sinh trong kỳ	Năm 2017	Năm 2016
- Chi phí nhân công	58,763,630,925	56,527,222,459
- Chi phí nguyên vật liệu	1,522,085,891	
- Chi phí khấu hao và hao mòn tài sản cố định	8,782,989,721	7,004,280,457
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	15,599,497,079	17,715,211,435
- Chi phí khác	48,399,243,456	19,931,211,869
	133,067,447,072	101,177,926,220

23. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lãi tiền vay	8,080,207,408	4,325,559,359
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4,225,468,509	1,539,270,629
Chi phí tài chính khác	9,024,036	15,368,986
Dự phòng các khoản đầu tư tài chính	11,590,390,000	-
	23,905,089,953	5,880,198,974

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

24. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

THU NHẬP KHÁC	Năm 2017	Năm 2016
Thanh lý nhượng bán TSCD	-	
Thu nhập khác	549,676,287	4,323,488,385
	549,676,287	4,323,488,385
CHI PHÍ KHÁC	Năm 2017	Năm 2016
Chi phí khác	570,674,657	361,533,427
	570,674,657	361,533,427

25. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Đơn vị tính: VND

	Năm 2017	Năm 2016
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	528,335,401,364	475,583,045,875
Chi phí nhân công	187,856,842,685	166,782,093,589
Chi phí khấu hao tài sản cố định	37,561,230,471	32,961,044,534
Chi phí dịch vụ mua ngoài	54,853,240,950	59,646,234,856
Chi phí khác bằng tiền	81,986,129,817	28,834,721,241
	890,592,845,287	763,807,140,095

26. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế Thu nhập Doanh nghiệp (thuế "TNDN") bằng 20% trên lợi nhuận thu được cho giai đoạn tài chính chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được diễn giải theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

26.1 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế khác với thu nhập được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

	Năm 2017 VND	Năm 2016 VND
Lợi nhuận trước thuế	58,534,932,764	121,453,565,745
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	53,142,449,255	1,468,768,263
Trừ: Lợi nhuận được miễn, giảm thuế	4,849,142,426	1,158,241,027
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	57,991,591,681	2,627,009,290
Thu nhập chịu thuế	111,677,382,019	122,922,334,008
<i>Thu nhập chịu thuế của các hoạt động chịu thuế suất thông thường 20%</i>	<i>111,677,382,019</i>	<i>122,922,334,008</i>
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,335,476,404	28,541,011,464
Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm	-	-
Điều chỉnh theo quyết toán thuế năm trước	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	22,335,476,404	28,541,011,464

26.2 Thuế TNDN hoãn lại

Công ty đã ghi nhận một số tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

Đơn vị tính: VND

	Bảng cân đối kế toán		Báo cáo hoạt động kinh doanh	
	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	Năm 2017	Năm 2016
Tài sản thuế hoãn lại				
Doanh thu bán phiếu mua hàng	245,738,636	117,768,182	127,970,454	117,768,182
Doanh thu chưa phát hành hóa đơn	-	846,699,966	(846,699,966)	846,699,966
Dự phòng hàng tồn kho	2,151,734,953	846,625,200	1,305,109,753	846,625,200
Dự phòng phải thu khó đòi	8,276,815,138	1,876,607,625	6,400,207,513	1,876,607,625
Chi phí phá dỡ nhà xưởng	110,519,852	-	110,519,852	-
Khấu hao nhà xưởng do	931,341,662	-	931,341,662	-
Dự phòng phải trả quỹ thất nghiệp	2,342,821,143	704,533,956	1,638,287,187	704,533,956
Tổng	14,058,971,385	4,392,234,929	9,666,736,456	4,392,234,929
Chi phí thuế hoãn lại				
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(78,408,519)	(273,445,224)	195,036,705	(273,445,224)
Tổng	(78,408,519)	(273,445,224)	195,036,705	(273,445,224)
Thu nhập thuế thu nhập hoãn lại tính vào kết quả kinh doanh	13,980,562,865	4,118,789,705	9,861,773,161	4,118,789,705

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

27. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty liên quan trong kỳ bao gồm:

Đơn vị tính: VND

Những giao dịch trọng yếu của Công ty với các công ty có liên quan trong năm bao gồm:

Đơn vị tính: VND				
Các bên liên quan	Mối quan hệ	Giao dịch	Năm 2017	năm 2016
Công ty TNHH Everpia Campuchia	Công ty con	Bán hàng hóa	2,871,004,529	5,499,212,608
Công ty CP Everpia Korea	Công ty con	Dịch vụ	7,900,885,160	
		Mua hàng hóa	57,595,372,760	
		Bán hàng hóa	63,532,000	
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Cho vay	-	16,040,000,000
		Thu tiền cho vay	-	3,640,000,000
		Lãi cho vay	3,697,024,170	4,157,661,832
		Doanh thu gia công	1,439,639,777	2,851,649,941
		Thanh lý tài sản	-	400,000,000
		Dịch vụ	2,248,929,371	880,000,000
		Khác		2,706,060
		Mua miếng lau màn hình		809,950,000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)

vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

Các điều kiện và điều khoản của các giao dịch với các bên liên quan

Các nghiệp vụ bán hàng và mua hàng với các bên liên quan được thực hiện theo mức giá và các điều khoản niêm yết thông thường trên thị trường.

Số dư các khoản phải thu, phải trả tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017 không cần bảo đảm, không có lãi suất và sẽ được thanh toán bằng tiền.

Số dư cuối kỳ của các khoản phải thu và phải trả với bên liên quan như sau:

Đơn vị tính: VND

Phải thu	Mối quan hệ	Giao dịch	Phải thu/(Phải trả)	
			31/12/2017	31/12/2016
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Gia công	59,113,327	1,206,407,784
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Lãi cho vay	5,246,735,670	1,549,711,500
		Khác	668,599,850	730,000,000
Công ty TNHH Everpia Cambodia	Công ty con			14,689,413,299
Phải trả				
Công ty CP Texpia	Công ty liên kết	Hàng hóa	2,103,781,416	221,100,000
Công ty CP Everpia Koean	Công ty con	Hàng hóa	12,082,427,052	
Phải thu về cho vay ngắn hạn				
Công ty CP Texpia (*)	Công ty liên kết	Cho vay	60,773,000,000	60,773,000,000
Phải trả khác				
Công ty CP Everpia Koean	Công ty con	Dịch vụ	7,900,885,160 ⁿ	

(*) Đây là khoản cho Công ty Cổ phần Texpia vay theo các hợp đồng được ký kết trong năm 2015 và 2016. Các khoản cho vay này có thời hạn từ 1 đến 8 tháng, lãi suất 6%/năm, không có tài sản đảm bảo.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

	Năm 2017	Năm 2016
Lương gộp và các quyền lợi khác	17,494,353,546	15,644,586,829
	17,494,353,546	15,644,586,829

28. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm về chăn, ga, gối, nệm và bông. Doanh thu các sản phẩm từ chăn, ga, gối, nệm và bông chiếm tỷ trọng 96,31 % tổng doanh thu trong kỳ. Bên cạnh đó, hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chủ yếu được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, Công ty chỉ có một bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Theo đó, Công ty không cần phải trình bày thông tin theo bộ phận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày

29. CÁC CAM KẾT VÀ CÁC KHOẢN NỢ TIỀM TÀNG

Cam kết về vốn góp

Theo Giấy Chứng nhận Đầu tư thành lập Công ty cổ phần Everpia Korea số 201600179 ngày 1 tháng 8 năm 2016, Công ty sẽ góp vốn với số tiền 1.500.000 đô la Mỹ vào công ty này. Cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2017, Công ty đã góp 1.000.000 đô la Mỹ và còn phải góp 500.000 đô la Mỹ vào công ty con này.

30. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Tại ngày 01/01/2018, Công ty Cổ phần Everpia đã có quyết định mua lại toàn bộ tài sản và công nợ của công ty CP Texpia. Toàn bộ quá trình định giá, xác nhận mua bán đang được tiến hành.

31. GIẢI TRÌNH CHÊNH LỆCH DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN QUÝ 4/2017

Công ty Cổ phần Everpia xin được giải trình chênh lệch biến động tăng/giảm của kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh quý 4 năm 2017 so với quý 04 năm 2016

Chỉ tiêu	2017	2016	Chênh lệch (%)
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng quý 4	346,853,729,638	246,835,726,791	41%
Lợi nhuận sau thuế quý 4	22,744,064,504	22,598,207,502	1%
Doanh thu thuần từ hoạt động bán hàng năm 2017	994,188,556,651	861,307,101,833	15%
Lợi nhuận sau thuế năm 2017	46,061,229,521	97,031,343,986	-53%

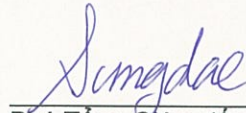
Doanh thu bán hàng quý 4/2017 tăng trưởng vượt bậc 41% nhờ hiệu ứng từ các chương trình quảng cáo trong năm cùng với việc đẩy mạnh các chiến dịch bán hàng tại các trung tâm thương mại, mở mới showroom quy mô lớn. Mặc dù vậy, lợi nhuận sau thuế của quý không có biến động đáng kể so với cùng kỳ năm trước do: (i) Chi phí quảng cáo tăng cao vào mùa cao điểm bán hàng, cộng hưởng với chi phí marketing tiếp tục phát sinh từ hợp đồng quảng cáo với đại diện thương hiệu Kim Tae Hee; (ii) Trích lập dự phòng đối với công ty liên kết và một số khoản phải thu khó đòi.

Với kết quả kinh doanh quý 4, doanh thu cả năm 2017 ghi nhận mức tăng 15% so với 2016 tương đương 132 tỷ đồng, tuy nhiên lợi nhuận sụt giảm 53%, tương đương hơn 50 tỷ. Con số này là kết quả của việc gia tăng mạnh mẽ chi phí quảng cáo thương hiệu từ đầu năm, cùng với khoản trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư và nợ khó đòi trong quý 3 và quý 4.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG (tiếp theo)
vào ngày 31 tháng 12 năm 2017 và cho giai đoạn tài chính kết thúc cùng ngày



Người lập biểu
Nguyễn Bảo Ngọc



Phó Tổng Giám đốc
Phụ trách Tài chính
Yu Sung Dae



Tổng Giám đốc
Lee Jae Eun

Ngày 30 tháng 01 năm 2018